

Vietnam Daily Review

Sắc xanh trở lại

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/7/2021		•	
Tuần 19/7-23/7/2021		•	
Tháng 7/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index đã hồi phục trở lại trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư lan tỏa vào thị trường khi có 7/19 nhóm ngành vận động khả quan so với phiên trước. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX và mua ròng tại sàn HNX. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường suy yếu với độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực vẫn cho thấy dòng tiền đang chảy vào các mã cổ phiếu vừa và nhỏ. Như vậy, thị trường có thể kiểm tra lại ngưỡng 1,300 điểm trong ngắn hạn trước khi xác lập xu hướng mới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/7/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: DPG_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +22.88 điểm, đóng cửa 1,293.67 điểm. HNX-Index +5.17 điểm, đóng cửa 305.97 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+2.72), VIC(+2.02), GVR(+1.41), VCB(+1.31), GAS(+1.04).
- Kéo chỉ số giảm: SAB (-0.09), SVC(-0.05), HPX (-0.04), PGD(-0.02), IMP(-0.02).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 14,964 tỷ đồng, +17.61% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,006 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 27.62 điểm. Thị trường có 308 mã tăng, 35 mã tham chiếu và 79 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -507.51 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VIC (-429.3 tỷ), KDH(-129.6 tỷ) và MSB (-91.8 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 8.58 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1293.67**
Giá trị: 14964.15 tỷ **22.88 (1.8%)**
Khối ngoại (ròng): -507.51 tỷ

HNX-INDEX **305.97**
Giá trị: 2908.73 tỷ **5.17 (1.72%)**
Khối ngoại (ròng): 8.58 tỷ

UPCOM-INDEX **85.57**
Giá trị: 866.9 tỷ **1.27 (1.51%)**
Khối ngoại(ròng): 1.82 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	70.7	0.50%
Giá vàng	1,794	-0.54%
Tỷ giá USD/VND	23,045	0.09%
Tỷ giá EUR/VND	27,146	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	20,930	0.27%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	10.49%
LS TPCP 5 năm	1.1%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	51.8	VIC	-429.3
NVL	46.4	KDH	-129.6
DXG	44.0	MSB	-91.8
FUEVFVN	43.0	SSI	-53.1
VHM	36.1	CTG	-50.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 22/7

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	66.87	-0.49%	-7.90%	-5.10%	54.83%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	69.07	-0.40%	-7.60%	-6.70%	47.11%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	211.70	-0.68%	-7.70%	-2.60%	59.60%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1806.70	-0.20%	-1.10%	1.30%	-8.56%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.82	-0.46%	-5.50%	-4.40%	1.76%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1390.75	0.16%	0.50%	5.90%	55.74%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	705.75	0.75%	7.90%	6.00%	28.09%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.30	0.06%	-8.10%	-5.40%	-2.69%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	190.17	1.11%	-0.20%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.41	1.99%	1.90%	4.20%	44.84%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	166.80	6.65%	9.60%	10.00%	54.44%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9336.00	1.24%	-0.80%	2.10%	42.87%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	864.95	1.14%	1.80%	12.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	921.59	1.33%	0.50%	12.80%			
Nhôm	USD/ton	2465.50	1.65%	-2.80%	3.40%	45.33%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	188.07	-0.11%	0.20%	3.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	127.75	0.08%	7.90%	22.20%	85.82%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2021 tăng 73 US cent hay 1.1% lên 69.35 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 9/2021 tăng 1 USD hay 1.5% lên 67.42 USD/thùng.
- Tồn kho của Mỹ dự kiến giảm tuần thứ 9 liên tiếp trong tuần này. Trong khi đó, OPEC dự kiến nhu cầu dầu toàn cầu tăng 6.6% trong năm 2021.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA duy trì tại 1,811.51 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 8 tăng 0.1% lên 1,811.4 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 0.3% lên 1,233 CNY/tấn. Giá quặng sắt giao ngay hàm lượng 62% Fe ở Trung Quốc giảm 50 US cent xuống 222.5 USD/tấn trong ngày 19/7.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10 trên sàn Thượng Hải giảm 0.2% xuống 5,601 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 0.6% xuống 5,968 CNY/tấn.
- Công ty khai thác Vale SA của Brazil cho biết họ đã sản xuất 75.87 triệu tấn quặng sắt trong quý 2, tăng 1.3% so với quý trước đó.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 12 trên sàn Osaka giảm 7.4 JPY hay 3.5% xuống 206.7 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn Thượng Hải giảm gần 5% xuống 1,920 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn ICE tăng 10.4 US cent hay 6.6% lên 1.668 USD/lb, gần mức đỉnh 4,5 năm. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn London tăng 29 USD hay 1.7% lên 1,761 USD/tấn, trong phiên giá đã đạt mức cao nhất 3 năm tại 1,793 USD/tấn.
- Xuất hiện thông tin về tình trạng băng giá tại các khu vực trồng cà phê tại Brazil đêm qua, lần thứ hai trong chưa tới một tháng. Băng giá có thể gây ảnh hưởng nhiều hơn tới các trang trại ở khu vực trồng cà phê chủ yếu như các bang Minas Gerais và Sao Paulo.
- Giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn London tăng 5,5 USD hay 1.2% lên 449.3 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn ICE tăng 0.34 US cent hay 2% lên 17.41 US cent/lb.

	22/7	% 22/7	21/7	% 21/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1293.67	1.80%	1270.79	-0.20%	-0.02%	-6.25%
S&P 500			4358.69	0.82%	-0.36%	4.61%
HĐTL S&P500	4356.25	0.13%	4350.50	0.81%	0.10%	3.38%
Shang- hai	3574.73	0.34%	3562.66	0.73%	0.28%	0.49%
Euro Stoxx	4063.08	0.90%	4026.68	1.78%	0.16%	-1.46%

Phân tích kỹ thuật
DPG_Tăng giá

- Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
 - Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
 - Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: DPG đang ở trong trạng thái tăng giá trở lại sau khi có giai đoạn điều chỉnh trong nửa đầu tháng 7. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 đồng thời đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu có thể duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của DPG nằm tại khu vực xung quanh 31.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 39.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 29.85 bị xuyên thủng.

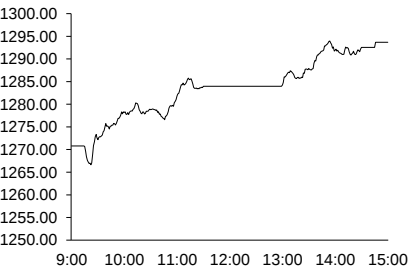
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	5.99%
Dịch vụ tài chính	5.60%
Bán lẻ	4.19%
Truyền thông	4.13%
Hóa chất	3.85%
Bảo hiểm	3.07%
Ngân hàng	2.90%
Công nghệ Thông tin	2.37%
Ô tô và phụ tùng	2.17%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.07%
Thực phẩm và đồ uống	1.44%
Xây dựng và Vật liệu	1.16%
Bất động sản	1.12%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.88%
Du lịch và Giải trí	0.88%
Dầu khí	0.66%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.50%
Y tế	0.32%
Viễn thông	0.00%

Hình 1

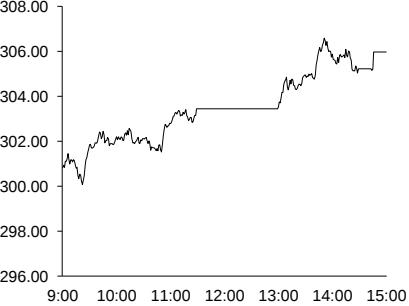
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

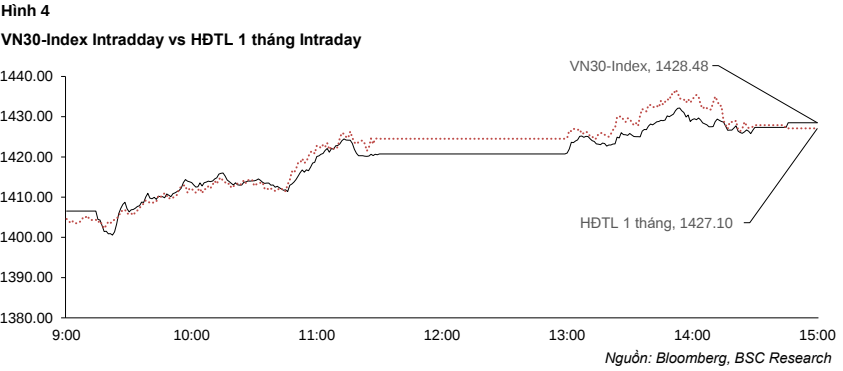
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/21/2021	TDM	29.8	33	28.2	30.5	1	2.35%	Có thể tiếp tục mua
7/20/2021	LIX	59.1	65	57	57.3	2	-3.05%	Có thể tiếp tục mua
7/19/2021	CTR	75	85	69.3	79	3	5.33%	Có thể tiếp tục mua
7/16/2021	PDR	90.2	106.5	85	90.1	6	-0.11%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/15/2021	ACB	32.75	38	30	34.1	7	4.12%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/14/2021	ACV	75	84	72	73.1	8	-2.53%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/13/2021	KBC	32.5	40	30	33.1	9	1.85%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/9/2021	ITD	18	20.25	15.25	17.35	13	-3.61%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	165.2	15	-0.36%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/6/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	48.9	16	7.71%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	25.3	52	-8.33%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/12/2021	VPG	38	42	32.5	TP	9	10.53%
7/8/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	TP	6	10.48%
7/5/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
7/2/2021	VGT	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
7/1/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
6/30/2021	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
6/29/2021	VJC	120	132	113	SL	15	-5.83%
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	SL	18	-5.16%
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	SL	26	-10.55%
6/22/2021	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	SL	16	-9.60%
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	SL	19	-7.32%
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	SL	14	-6.71%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	6	4.27%	-3.00%	0.31%	12
Cổ phiếu đã chốt	162	108	13.65%	-7.91%	5.03%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2108	1427.10	1.79%	-1.38	-8.4%	243,622	19/08/2021	28
VN30F2109	1426.90	1.74%	-1.58	10.4%	530	16/09/2021	56
VN30F2112	1426.00	1.46%	-2.48	18.6%	51	16/12/2021	147
VN30F2203	1429.00	2.07%	0.52	676.5%	396	17/03/2022	238

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +21.94 điểm lên 1428.48 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, FPT, VNM, VHM, VIC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch tăng tích cực, trước khi tích lũy quanh 1425-1430 điểm cuối phiên chiều. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2108 các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CKDH2102	13/08/2021	22	2:1	404,300	33.37%	2,800	6,050	30.11%	4,095	1.48	33,364	28,273	39,200
CKDH2002	16/08/2021	25	4:1	1,269,600	33.37%	1,600	4,000	19.05%	2,989	1.34	30,666	24,848	39,200
CPNJ2102	02/08/2021	11	5:1	199,100	31.35%	2,000	2,800	12.00%	2,644	1.06	90,000	80,000	93,100
CPDR2101	27/09/2021	67	5:1	305,900	38.32%	1,100	2,920	4.29%	1,029	2.84	94,388	88,888	90,100
CPDR2102	27/09/2021	67	5:1	146,400	38.32%	1,100	3,750	4.17%	1,364	2.75	94,499	88,999	90,100
CMWG2104	22/03/2022	243	10:1	104,600	33.83%	2,400	6,350	3.93%	3,887	1.63	159,000	135,000	165,200
CMWG2105	27/08/2021	36	8:1	88,700	33.83%	2,950	4,970	3.54%	4,299	1.16	155,100	131,500	165,200
CHPG2105	09/08/2021	18	2:1	47,000	39.22%	3,000	11,550	3.31%	2,725	4.24	48,000	42,000	47,200
CTCB2012	30/07/2021	8	1:1	80,400	40.24%	5,400	28,990	3.28%	29,123	1.00	27,400	22,000	51,100
CSTB2104	27/08/2021	36	1:1	49,000	46.02%	4,000	7,850	3.15%	5,334	1.47	26,900	22,900	28,000
CMWG2102	02/08/2021	11	5:1	70,200	33.83%	3,000	8,700	2.47%	9,074	0.96	135,000	120,000	165,200
CHPG2106	27/08/2021	36	2:1	45,500	39.22%	4,100	9,720	2.42%	627	15.51	42,937	36,908	47,200
CTCB2101	05/10/2021	75	1:1	49,000	40.24%	5,000	23,990	2.09%	20,407	1.18	36,000	31,000	51,100
CMSN2103	13/08/2021	22	6:1	132,700	38.84%	3,000	6,080	1.67%	5,859	1.04	106,000	88,000	122,900
CVPB2015	30/07/2021	8	1:1	18,100	39.31%	5,600	35,100	0.57%	34,827	1.01	31,600	26,000	60,800
CTCB2103	09/08/2021	18	2:1	161,800	40.24%	2,900	7,900	0.13%	7,842	1.01	41,300	35,500	51,100
CHPG2107	12/08/2021	21	5:1	356,100	39.22%	1,300	2,790	0.00%	3	1,060.84	48,463	43,684	47,200
CSTB2103	09/08/2021	18	2:1	116,300	46.02%	1,400	5,100	0.00%	5,021	1.02	20,800	18,000	28,000
CHPG2108	12/08/2021	21	5:1	452,800	39.22%	1,200	2,730	-0.36%	3	1,087.65	48,124	43,713	47,200
CVPB2103	09/08/2021	18	2:1	89,200	39.31%	2,700	12,020	-0.74%	12,193	0.99	41,900	36,500	60,800
Tổng				3,782,400	38.37%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/7/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CKDH2102 và CKDH2101 tăng mạnh lần lượt là 30.11% và 20.00%. Giá trị giao dịch tăng 42.33%. CKDH2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.56% thị trường.
- CVRE2013, CMWG2102, CVPB2103, CTCB2012, và CTCB2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CVPB2015, và CSTB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CTCB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	165.2	1.1%	0.8	3,414	7.0	9,051	18.3	4.5	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	93.1	2.1%	0.9	920	1.7	4,974	18.7	3.7	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	50.8	2.6%	1.5	1,640	1.4	2,548	19.9	1.8	26.8%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	37.1	-0.8%	0.5	361	0.2	3,495	10.6	1.1	49.0%	10.9%	
VIC	Bất động sản	106.2	2.1%	0.7	15,618	10.3	2,174	48.8	4.5	15.8%	9.0%	
VRE	Bất động sản	28.2	2.9%	1.1	2,786	5.3	1,175	24.0	2.1	30.6%	9.3%	
VHM	Bất động sản	111.0	2.8%	1.0	15,875	16.3	7,874	14.1	4.0	23.2%	33.6%	
DXG	Bất động sản	22.0	6.6%	1.3	495	7.2	(61)		1.7	28.4%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	52.2	1.4%	1.5	1,486	22.7	2,776	18.8	3.0	48.7%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	49.5	1.0%	1.0	717	6.3	3,459	14.3	3.1	20.8%	25.4%	
HCM	Chứng khoán	46.7	1.2%	1.6	619	7.1	2,899	16.1	3.0	48.0%	19.4%	
FPT	Công nghệ	89.4	3.2%	0.9	3,527	17.2	4,103	21.8	4.8	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	76.3	0.4%	0.4	1,089	0.1	4,304	17.7	5.3	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	89.4	2.3%	1.3	7,439	1.9	3,946	22.7	3.4	2.8%	14.9%	
PLX	Dầu khí	50.9	1.8%	1.5	2,753	1.7	2,915	17.5	2.7	17.3%	16.8%	
PVS	Dầu khí	24.0	5.7%	1.7	499	11.1	1,375	17.5	0.9	7.8%	5.4%	
BSR	Dầu khí	17.7	5.4%	0.8	2,386	7.8	(909)	N/A	N/A	1.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	93.5	0.5%	0.4	532	0.0	5,761	16.2	3.6	54.6%	22.8%	
DPM	Hóa chất	22.1	2.1%	0.8	376	1.7	1,928	11.5	1.1	14.0%	9.4%	
DCM	Hóa chất	18.2	4.6%	0.7	419	3.2	1,122	16.2	1.5	2.4%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	100.3	1.3%	1.1	16,174	6.3	5,709	17.6	3.7	23.6%	22.8%	
BID	Ngân hàng	41.0	0.7%	1.3	7,170	3.0	2,048	20.0	2.1	16.7%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	33.5	2.0%	1.3	7,000	19.3	3,692	9.1	1.8	24.6%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	60.8	0.8%	1.2	6,489	17.5	5,052	12.0	2.5	15.4%	23.0%	
MBB	Ngân hàng	28.4	1.3%	1.2	4,657	12.5	2,764	10.3	2.1	21.8%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	34.1	0.9%	1.0	4,006	10.5	3,194	10.7	2.4	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	56.3	0.4%	0.7	200	0.0	6,160	9.1	1.9	83.4%	20.3%	
NTP	Nhựa	51.7	0.4%	0.4	265	0.3	4,085	12.7	2.2	19.3%	18.3%	
MSR	Tài nguyên	19.6	3.2%	0.7	937	0.4	39	502.6	1.5	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	47.2	1.0%	1.1	9,179	44.1	4,056	11.6	3.2	26.8%	31.3%	
HSG	Thép	36.3	1.4%	1.4	772	20.6	4,914	7.4	2.2	10.0%	35.0%	
VNM	Tiêu dùng	86.8	1.8%	0.7	7,887	8.1	4,682	18.5	5.8	55.1%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	156.3	-0.3%	0.8	4,358	0.7	7,561	20.7	5.0	62.9%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	122.9	0.7%	0.9	6,308	5.8	1,281	95.9	8.9	33.4%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	18.5	0.3%	1.2	495	1.5	1,131	16.3	1.4	8.9%	8.7%	
ACV	Vận tải	73.0	0.0%	0.8	6,909	0.2	577	126.5	4.2	3.6%	3.4%	
VJC	Vận tải	114.0	0.0%	1.1	2,685	2.7	2,256		4.1	18.3%	8.3%	
HVN	Vận tải	25.2	0.8%	1.7	1,554	0.3	(9,327)		24.8	9.2%	-155.4%	
GMD	Vận tải	43.6	1.2%	1.0	571	4.5	1,246	35.0	2.2	41.8%	6.2%	
PVT	Vận tải	18.2	3.7%	1.3	255	2.5	2,281	8.0	1.2	15.2%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	115.6	0.3%	0.9	804	1.4	8,479	13.6	4.4	4.0%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	30.1	0.3%	0.4	587	0.1	1,604	18.8	2.0	5.7%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	0.7%	0.9	249	0.3	1,651	9.1	1.0	2.9%	11.3%	
CTD	Xây dựng	60.2	1.0%	1.0	194	0.7	3,352	18.0	0.5	43.9%	3.0%	
CII	Xây dựng	16.3	1.9%	0.5	169	0.8	56	293.0	0.8	22.2%	0.2%	
REE	Điện	52.8	1.1%	-1.4	709	0.6	5,770	9.2	1.4	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	25.3	2.4%	-0.4	210	0.6	2,371	10.7	1.2	10.0%	13.2%	
POW	Điện	10.4	1.0%	0.6	1,054	4.0	1,037	10.0	0.8	3.0%	8.6%	
NT2	Điện	18.6	1.1%	0.5	232	0.3	1,093	17.0	1.3	14.9%	7.3%	
KBC	Khu công nghiệp	33.1	2.0%	1.1	676	14.3	1,639	20.2	1.5	19.5%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	41.5	7%	0.9	1,868	0.1			2.6	2.0%		

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	111.00	2.78	2.72	3.40MLN
VIC	106.20	2.12	2.02	2.24MLN
GVR	31.50	4.30	1.41	4.44MLN
VCB	100.30	1.31	1.31	1.46MLN
GAS	89.40	2.29	1.04	487700

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
SAB	0.00	-0.09	109500	1.11MLN
SVC	-0.01	-0.05	100	607060
HPX	0.00	-0.04	356100	373600
PGD	0.00	-0.02	2100	192700
IMP	0.00	-0.02	8100	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SCR	9.64	6.99	0.06	9.19MLN
CCI	19.90	6.99	0.01	35400
HVH	8.45	6.96	0.01	1.18MLN
KDH	39.20	6.96	0.44	14.91MLN
PTL	5.70	6.94	0.01	63300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VMD	25.95	-6.99	-0.01	31800
SVC	73.50	-6.96	-0.05	100
PNC	8.75	-6.91	0.00	1200.00
CMV	14.85	-6.90	-0.01	1200
HOT	28.75	-6.81	-0.01	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	27.20	1.87	1.06	8.06MLN
VND	43.20	4.35	0.82	7.50MLN
THD	205.80	0.98	0.72	579800
PVS	24.00	5.73	0.43	10.90MLN
IDC	33.20	4.40	0.32	2.36MLN

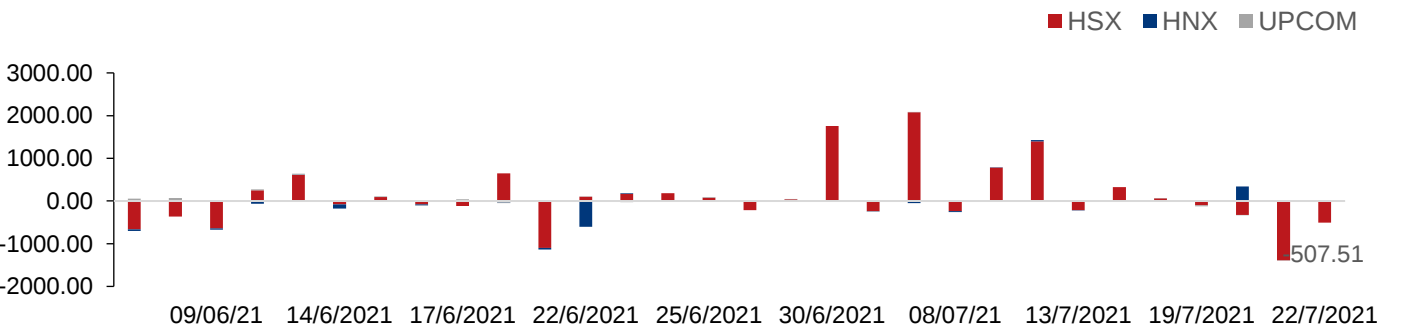
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KHG	21.20	-9.79	-0.17	1.05MLN
DNP	20.00	-4.76	-0.08	3500
OCH	7.30	-2.67	-0.03	32700
QHD	32.20	-8.78	-0.02	100
SIC	18.60	-9.71	-0.02	800

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HCT	13.20	10.0	0.00	1000
PCE	12.20	9.9	0.00	5900
VC9	8.90	9.9	0.01	186500
DL1	6.80	9.7	0.04	270300
HEV	14.80	9.6	0.00	1900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLM	23.40	-10.00	-0.02	200
ALT	12.70	-9.93	-0.01	700
TTT	44.80	-9.86	-0.01	100
KHG	21.20	-9.79	-0.17	1.05MLN
SIC	18.60	-9.71	-0.02	800

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	34.1	3,194	10.7	2.4	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	73.0	577	126.5	4.2	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	8.8	600	14.7	0.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	8.6	-363		0.8	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.6	3,834	7.2	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	33.5	3,692	9.1	1.8	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	18.2	1122.1	16.2	1.5	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	86.4	5,868	14.7	3.3	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	141.4	9,205	15.4	4.5	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	22.1	1,928	11.5	1.1	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	29.1	2,869	10.1	2.0	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	22.0	-61		1.7	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	89.4	4,103	21.8	4.8	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	31.5	1,091	28.9	2.6	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	53.5	7,082	7.6	2.5	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	47.2	4,056	11.6	3.2	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	36.3	4,914	7.4	2.2	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.0	1,651	9.1	1.0	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.8	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	33.1	1,639	20.2	1.5	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	39.2	1,946	20.1	2.9	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	23.5			1.8	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.3	3,258	11.1	1.4	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	62.0	5,257	11.8	2.1	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	122.9	1,281	95.9	8.9	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	165.2	9,051	18.3	4.5	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	40.0	3,925	10.2	1.8	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	25.0	2,120	11.8	1.5	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	93.1	4,974	18.7	3.7	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.4	1,037	10.0	0.8	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	17.9	0	116.5	0.6	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	24.0	1,375	17.5	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	156.3	7,561	20.7	5.0	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	18.5	1,131	16.3	1.4	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	40.1	15775.2	2.5	1.1	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	51.1	4,613	11.1	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	100.3	5,709	17.6	3.7	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	40.2	4,166	9.6	2.1	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	16.3	570	28.6	1.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	40.6	4,038	10.0	1.4	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	111.0	7,874	14.1	4.0	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	86.8	4,682	18.5	5.8	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	60.8	5,052	12.0	2.5	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	28.2	1,175	24.0	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	83.5	3,256	25.6	7.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639